

Bản án số: 55/2017 /DS-ST

Ngày: 01/8/2017

V/v : “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Khánh - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Hải

2. Ông Trần Văn Hưng

Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 01/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre - tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST-DS ngày 07/4/2017 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 69/2017/QĐXX-ST, ngày 04/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp VN, xã ĐĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre;

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1970; Địa chỉ : Khu Phố A, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt) ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày :

T tháng 10 năm 2016, bà T đã bán dừa trái cho ông Lê Ngọc L số lượng 3470 trái, thành tiền 32.775.000(Ba mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Ông L đã trả trước cho bà T số tiền 20.000.000(Hai chục triệu) đồng, số tiền còn lại 12.775.000(Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng ông L chưa trả. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T khởi kiện yêu cầu ông L phải trả cho bà số tiền 12.775.000(Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền mua dừa trái và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng ông đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị T khởi kiện ông Lê Ngọc L phải trả 12.775.000(Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền mua dừa trái. vì vậy quan hệ pháp luật vụ án này là tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại 428 Bộ luật Dân sự năm 2005 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Lê Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ như : Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] T tháng 10 năm 2016, bà Phạm Thị T đã thỏa thuận Hợp đồng mua bán dừa trái với ông Lê Ngọc L tổng giá trị 32.775.000(Ba mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, Ông L đã trả cho bà T số tiền 20.000.000(Hai chục triệu) đồng, số tiền còn lại 12.775.000(Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng đến nay ông L chưa trả cho bà T. Về chứng cứ chứng minh là Giấy viết tay xác nhận nợ của ông Lê Ngọc L ngày 22/11/2016 với số tiền phải trả là 12.775.000(Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng (Bút lục số 08). Tại biên bản hòa giải ngày 24/02/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 8, ông L thừa nhận nợ bà T số tiền 12.775.000(Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền mua dừa còn thiếu (Bút lục số 11). Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận đó là sự thật. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị T và buộc ông Lê Ngọc L phải trả cho bà Phạm Thị T 12.775.000(Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền mua dừa trái theo quy định tại Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ghi nhận bà Phạm Thị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

[4] : Do yêu cầu của bà Phạm Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên ông L phải chịu toàn bộ án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch, ông Lê Ngọc L phải chịu số tiền là $12.775.000 \times 5\% = 638.750\text{đ}$ (Sáu trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm năm chục) đồng theo quy định tại Phần II mục 1.3 điểm b Danh mục Án phí, Lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) .

Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố BT hoàn lại số tiền 319.500 (Ba trăm mười chín ngàn, năm trăm) đồng về khoản tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010397 ngày 03 tháng 4 năm 2017 cho bà Phạm Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 428, 438 và 305 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T. Buộc ông Lê Ngọc L phải trả cho bà Phạm Thị T 12.775.000(Mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền mua dũa trái.

Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Lê Ngọc L phải chịu số tiền là 638.750đ (Sáu trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm năm chục) đồng.

Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố BT hoàn lại số tiền 319.500 (Ba trăm mười chín ngàn, năm trăm) đồng về khoản tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010397 ngày 03 tháng 4 năm 2017 cho bà Phạm Thị T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này T thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. thành phố Bến Tre;
- TAND. tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS. thành phố BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Khánh